

**CÔNG TY CỔ PHẦN CUNG ỨNG VÀ DỊCH VỤ
KỸ THUẬT HÀNG HẢI (MASERCO)**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất là:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Cường	Chủ tịch
Ông Trần Văn Bài	Ủy viên (Miễn nhiệm từ tháng 05/2010)
Ông Dương Xuân Đài	Ủy viên (Bổ nhiệm từ tháng 05/2010)
Ông Tạ Mạnh Cường	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Thuỷ	Ủy viên
Ông Phạm Văn Cát	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Dung	Ủy viên
Ông Phạm Văn Thót	Ủy viên
Bà Triệu Thị Thu Hạnh	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Cường	Giám đốc (Bổ nhiệm từ tháng 09/2010)
Ông Tạ Mạnh Cường	Giám đốc (Miễn nhiệm từ tháng 09/2010)
Ông Phạm Văn Thót	Phó Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Văn Cường
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 03 năm 2011

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị**
 Ban Giám đốc
 Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (sau đây gọi chung là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính này được lập ngày 15/03/2011 từ trang 06 đến trang 28 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, phản ánh trung thực và hợp lý, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc đồng thời cũng chịu trách nhiệm thiết kế và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu, đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc sai sót.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng, các Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được thực hiện dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, trên cơ sở đánh giá rủi ro liên quan đến các sai sót trọng yếu, phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất, do các gian lận hoặc sai sót. Trong quá trình đánh giá rủi ro, kiểm toán viên cũng xem xét các thủ tục kiểm soát do Ban Giám đốc thực hiện, nhằm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý, để thiết kế các thủ tục kiểm toán thích hợp trong từng trường hợp mà không nhằm đưa ra ý kiến nhận xét về tính hữu hiệu của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Trong năm 2010, Công ty đã ghi nhận Doanh thu và giá vốn của Hợp đồng Tàu Trường Phát 45 tương ứng với số tiền khách hàng đã thanh toán mà không dựa theo Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành. Nếu Công ty thực hiện hạch toán Doanh thu theo khối lượng công việc hoàn thành được khách hàng nghiệm thu và chấp nhận thanh toán, doanh thu và giá vốn năm 2010 sẽ được điều chỉnh tăng lên tương ứng là 2.012.152.847 VND và 3.011.371.842 VND, theo đó lợi nhuận trong năm sẽ giảm 999.218.995 VND.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề hạch toán Doanh thu và giá vốn Hợp đồng Tàu Trường Phát 45 nói trên, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2010, cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin lưu ý vấn đề sau:

Như đã trình bày tại thuyết minh số 17, hoạt động kinh doanh năm 2010 của Công ty đang gặp nhiều khó khăn do chậm triển khai các đơn hàng đóng mới và sửa chữa tàu biển từ phía khách hàng (chậm làm thủ tục thanh quyết toán). Do hiệu quả từ các dự án sửa chữa và đóng mới tàu biển, Công ty đang chủ trương sẽ thu hẹp dần quy mô của hoạt động đóng mới và sửa chữa tàu biển, dẫn tới kết quả kinh doanh năm 2010 giảm đáng kể so với các năm trước.

Vũ Bình Minh

Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0034/KTV

Nguyễn Thương

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 0308/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ

Hà Nội, ngày 15 tháng 3 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số 01 - DN/HN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		86.384.340.209	68.465.509.805
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.808.128.717	2.965.278.088
1. Tiền	111		3.808.128.717	965.278.088
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	2.000.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	10.832.742.147	6.792.611.324
1. Đầu tư ngắn hạn	121		10.832.742.147	6.792.611.324
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.257.470.961	24.948.431.096
1. Phải thu khách hàng	131		23.340.765.801	15.287.391.026
2. Trả trước cho người bán	132		10.453.431.847	4.395.748.604
3. Các khoản phải thu khác	135		6.427.155.149	5.812.776.135
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(963.881.836)	(547.484.669)
IV- Hàng tồn kho	140	6	30.856.083.290	32.833.118.983
1. Hàng tồn kho	141		30.856.083.290	32.833.118.983
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		629.915.094	926.070.314
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	534.890.514
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		50.504.528	121.717.872
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		164.969	7.040.000
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		579.245.597	262.421.928
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45.529.814.957	40.486.438.936
II- Tài sản cố định	220		21.578.090.685	25.335.717.184
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	20.654.488.819	23.459.535.516
- Nguyên giá	222		34.222.680.452	35.425.642.208
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.568.191.633)	(11.966.106.692)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	923.601.866	1.876.181.668
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		23.951.000.000	15.149.716.654
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	2.748.716.654
2. Đầu tư dài hạn khác	258	9	23.951.000.000	12.401.000.000
V- Tài sản dài hạn khác	260		724.272	1.005.098
1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	10	724.272	1.005.098
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		131.914.155.166	108.951.948.741

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số B01 - DN/HN
Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	01/01/2010
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		62.446.902.949	54.032.035.948
I- Nợ ngắn hạn	310		62.331.200.303	53.528.973.220
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	9.602.187.314	20.663.310.813
2. Phải trả người bán	312		14.588.089.013	17.817.957.052
3. Người mua trả tiền trước	313		19.151.393.881	1.178.920.069
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	493.255.861	1.624.857.872
5. Phải trả người lao động	315		926.523.619	1.418.755.736
6. Chi phí phải trả	316	13	115.824.529	175.245.221
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	16.718.904.905	10.305.624.031
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		735.021.181	344.302.426
II- Nợ dài hạn	330		115.702.646	503.062.728
1. Vay và nợ dài hạn	334	15	-	261.000.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		115.702.646	242.062.728
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		69.167.120.461	54.452.429.353
I- Vốn chủ sở hữu	410	16	69.167.120.461	54.452.429.353
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		54.998.110.000	32.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.380.000.000	8.400.000.000
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(6.050.000)	131.093
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.420.574.380	5.420.574.380
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.344.159.729	1.197.755.244
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		48.662.255	746.726.134
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(1.018.335.903)	6.687.242.502
C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ			300.131.756	467.483.440
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		131.914.155.166	108.951.948.741

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	ĐVT	Mẫu số B01 - DN/HN	
		31/12/2010	01/01/2010
1. Ngoại tệ các loại (Đô la Mỹ)	USD	11.180,39	138,25

Hải Phòng, ngày 15 tháng 03 năm 2011

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thanh Nhân

Nguyễn Văn Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu số B02 - DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	17	66.391.356.735	121.062.585.773
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		66.391.356.735	121.062.585.773
4. Giá vốn hàng bán	11	18	59.837.797.619	108.127.094.808
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.553.559.116	12.935.490.965
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	1.356.444.764	1.339.882.993
7. Chi phí tài chính	22	20	2.008.702.334	2.142.195.406
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.986.622.694	2.031.663.070
8. Chi phí bán hàng	24	21	2.027.208.276	2.878.741.919
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	4.702.146.034	4.531.663.182
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(828.052.764)	4.722.773.451
11. Thu nhập khác	31	23	1.324.848.511	912.842.147
12. Chi phí khác	32	24	1.386.707.571	2.448.114.341
13. Lợi nhuận khác (40=31+32)	40		(61.859.060)	(1.535.272.194)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	925.176.258
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		(889.911.824)	4.112.677.515
16.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	-	813.288.219
16.2 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	26	184.921	184.921
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60	27	(890.096.745)	3.299.204.375
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		(167.351.684)	(184.287.735)
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		(722.745.061)	3.483.492.110
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	28	(236)	1.031

Kế toán trưởng

Hải Phòng, ngày 15 tháng 03 năm 2011
Giám đốc

Trần Thanh Nhân

Nguyễn Văn Cường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu số B03 - DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	1	(889.911.824)	4.112.677.515
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	2	2.470.601.579	2.840.132.685
- Các khoản dự phòng	3	416.397.167	63.698.869
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	2.935.710	-
- (Lãi)/ lỗ từ hoạt động đầu tư	5	(367.664.221)	(2.084.021.135)
- Chi phí lãi vay	6	1.986.622.694	2.031.663.070
- Phần lãi/ (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	7	-	(298.176.258)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	3.618.981.105	6.665.974.746
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	(14.964.172.326)	33.412.522.324
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.977.035.693	7.165.350.167
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	20.174.706.266	(30.230.950.250)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	534.890.514	(534.890.514)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(2.033.619.208)	(2.823.522.220)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(781.438.007)	(1.236.471.600)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	24.000.000	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(916.963.064)	(317.198.237)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.633.420.973	12.100.814.416
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(577.265.155)	(177.345.272)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	936.443.757	870.110.806
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(6.910.130.823)	(6.197.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	2.870.000.000	1.152.000.000
5. Tiền chi đầu tư vốn góp vào đơn vị khác	25	(9.750.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	290.000.000	300.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.295.572.179	2.032.021.135
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(11.845.380.042)	(2.020.213.331)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

Mẫu số B03 - DN/HN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2010	Năm 2009
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	18.980.000.000	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	41.985.486.936	55.947.027.601
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(53.307.610.435)	(66.752.244.986)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.600.000.000)	(387.500.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	6.057.876.501	(11.192.717.385)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.845.917.432	(1.112.116.300)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.965.278.088	4.077.263.295
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(3.066.803)	131.093
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.808.128.717	2.965.278.088

Hải Phòng, ngày 15 tháng 03 năm 2011

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thanh Nhân

Nguyễn Văn Cường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÔNG TY MẸ

Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải (gọi tắt là "Công ty mẹ") là Doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 2375/QĐ-BGTVT ngày 14/08/2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải về việc chuyển Doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Cung ứng và Dịch vụ Hàng hải I, trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000582 ngày 29/09/2003; và đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 20/10/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp. Theo đó:

Tên giao dịch tiếng Anh: MARINE SUPPLY AND ENGINEERING SERVICE JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt: MASERCO
Vốn điều lệ: 54.998.110.000 VND

Trong đó:

Vốn đầu tư của Nhà nước: 1.200.000.000 VND (tương ứng 120.000 cổ phiếu)
Vốn góp của các cổ đông: 53.798.110.000 VND (tương ứng 5.379.811 cổ phiếu)

Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Dịch vụ môi giới Hàng hải; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Dịch vụ kiểm đếm hàng hoá; Dịch vụ lai dắt tàu biển; Dịch vụ sửa chữa tàu biển tại cảng; Dịch vụ vệ sinh tàu biển; Dịch vụ bốc dỡ hàng hoá tại cảng biển; Đóng mới và sửa chữa phương tiện thủy, bộ, container; Gia công kết cấu thép và sửa chữa thiết bị cảng biển; Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, hàng hoá; Vận chuyển hàng hoá bằng phương tiện vận tải thủy - bộ, đa phương thức; Đại lý bảo hiểm phi nhân thọ.

Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại số 8A Đường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Chi nhánh hạch toán phụ thuộc tại Thành phố Hồ Chí Minh: Trụ sở tại số 97/48 Đường số 8, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CON

Công ty TNHH Dịch vụ Container Maserco (gọi tắt là "Công ty con") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0202006301 ngày 27/02/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp. Theo đó:

Tên giao dịch: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ CONTAINER MARSECO
Vốn điều lệ: 1.600.000.000 VND

Trong đó:

- Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải: 880.000.000 VND (55% vốn điều lệ)
- Ông Iwasaki Yoshinobu: 720.000.000 VND (45% vốn điều lệ)

Ngành nghề kinh doanh: Sửa chữa thiết bị khác, sửa chữa, bảo dưỡng container các loại; Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng, vận chuyển container bằng đầu kéo container; Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan khác, tư vấn kỹ thuật giám định container lạnh.

Trụ sở chính của Công ty con đặt tại số 8A Đường Vạn Mỹ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngày 31/12/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp có hiệu lực áp dụng từ ngày 15/02/2010. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã thực hiện phân loại một số chỉ tiêu phù hợp theo hướng dẫn sửa đổi bổ sung của Bộ Tài chính trong Thông tư này.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải và Công ty con (sau đây gọi tắt là “Công ty”) do Công ty mẹ kiểm soát được lập đến ngày 31/12 hàng năm và lợi ích của Công ty tại các Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của Công ty con do Công ty mẹ kiểm soát được lập tại ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty con nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty con này và lợi ích của Công ty mẹ tại các Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của Công ty con đã được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty mẹ.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và Công ty con được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), vàng, bạc, kim khí quý, đá quý và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành và theo các quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản phải thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá hàng xuất kho và hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng; Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hoạt động đóng mới tàu được xác định riêng cho từng tàu bằng cách lấy tổng chi phí phát sinh trong năm, bao gồm: chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cộng với (+) chi phí dở dang đầu năm, sau đó, nhân với (x) tỷ lệ nguyên vật liệu chính đã xuất chưa được quyết toán trên tổng khối lượng nguyên vật liệu chính đã xuất cho từng tàu.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của hoạt động sửa chữa phương tiện thủy được xác định riêng cho từng hạng mục của phương tiện thủy theo tỷ lệ doanh thu của hạng mục chưa được chấp nhận quyết toán trên tổng doanh thu sửa chữa của cả phương tiện thủy nhân với (x) tổng chi phí phát sinh trong năm cộng với (+) chi phí dở dang đầu năm chuyển qua được tập hợp cho từng phương tiện thủy.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc ngoại trừ một số tài sản cố định được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển Công ty mẹ sang Công ty cổ phần tại thời điểm 30/09/2003.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm: Giá thực tế phải trả; lãi tiền vay đầu tư cho tài sản cố định; các chi phí vận chuyển, bốc dỡ; các chi phí sửa chữa, tân trang; chi phí lắp đặt, chạy thử, thuê và lệ phí trước bạ (nếu có)... liên quan trực tiếp đến tài sản trước khi đưa tài sản cố định vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Nguyên giá tài sản cố định đầu tư xây dựng: Là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy định tại Điều lệ quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành và các chi phí khác có liên quan và lệ phí trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định đánh giá lại: Là giá đã được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển Công ty mẹ sang Công ty cổ phần tại thời điểm 30/09/2003.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản cố định phù hợp với các quy định của Thông tư số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải	6 - 15
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí đầu tư xây dựng cơ bản phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng các công trình chưa hoàn thành tại thời điểm 31/12/2010, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đầu tư dài hạn khác

Bao gồm các khoản góp vốn đầu tư vào các đơn vị khác (với tỷ lệ vốn đầu tư nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Công ty cổ phần). Khoản góp vốn đầu tư vào các đơn vị được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ngày đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính theo nguyên tắc dồn tích.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Tại thời điểm 31/12/2010, Công ty không trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính, các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, bảo hành sản phẩm, hàng hoá tại Công ty do Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng không có các khoản tổn thất xảy ra.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Vốn chủ sở hữu và các quỹ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty bao gồm vốn góp của cổ đông trong và ngoài Công ty, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

Các quỹ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy trên cơ sở đảm bảo là Công ty nhận được lợi ích kinh tế từ giao dịch, cụ thể: Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn, hóa đơn đã phát hành, người mua đã chấp nhận thanh toán, đồng thời xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hoạt động sửa chữa phương tiện thủy:

Công ty và khách hàng ký kết hợp đồng nguyên tắc, khi phát sinh nhu cầu sửa chữa từng hạng mục cụ thể, hai bên ký kết các phụ lục hợp đồng và quyết toán giá trị sửa chữa được lập cho từng hạng mục. Doanh thu và chi phí (giá vốn) được ghi nhận như sau: Doanh thu ghi nhận trên cơ sở quyết toán của hạng mục công trình sửa chữa đã được xác nhận giữa hai bên. Chi phí sửa chữa tập hợp chung cho từng phương tiện thủy, không tập hợp riêng cho từng hạng mục của phương tiện thủy đó, vì vậy, giá vốn của những hạng mục sửa chữa đã phản ánh doanh thu được xác định bằng tỷ lệ doanh thu đã được ghi nhận trên tổng doanh thu sửa chữa của cả phương tiện nhân (x) tổng chi phí phát sinh trong kỳ cộng (+) chi phí dở dang đầu kỳ chuyển qua được tập hợp cho từng phương tiện thủy.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ tiền lãi tiền gửi, chênh lệch tỷ giá và doanh thu tài chính khác.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi ra VND theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này, chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại số dư các tài khoản này được phản ánh vào vào kết quả kinh doanh.

Thuế

Các loại thuế chủ yếu Công ty phải nộp như sau:

- Thuế GTGT của hoạt động đóng mới, sửa chữa tàu và hoạt động giao nhận vận tải có thuế suất 10%;
- Thuế GTGT của hoạt động cấp nước có thuế suất 5%;
- Thuế GTGT của hoạt động thuê tàu, thuê bãi, thương mại khác có thuế suất 10%;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là chi phí thuế thu nhập hiện hành. Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế TNDN phải nộp phát sinh trong kỳ hoạt động tính trên thu nhập chịu thuế, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế và phí khác theo các quy định hiện hành.

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Hải An do Ông Nguyễn Văn Cường - Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đồng thời là Tổng Giám đốc đến hết tháng 9/2010.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tiền mặt	351.767.500	133.981.901
Tiền gửi ngân hàng	3.456.361.217	831.296.187
Các khoản tương đương tiền	1.000.000.000	2.000.000.000
	4.808.128.717	2.965.278.088

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Cho vay ngắn hạn		
- Công ty Cổ phần Hàng hải Nam Dương	1.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Hải An	9.832.742.147	6.792.611.324
	10.832.742.147	6.792.611.324

Các khoản cho vay ngắn hạn, lãi suất 1-1,25%/ tháng và không có tài sản đảm bảo.

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.418.662.412	5.426.552.703
Công cụ, dụng cụ	641.874.690	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	25.795.546.188	27.406.566.280
	30.856.083.290	32.833.118.983
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HTK	30.856.083.290	32.833.118.983

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B09 - DN/HN

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ, thiết bị quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2010	17.327.829.997	6.574.416.715	11.319.389.743	204.005.753	35.425.642.208
Tăng trong năm	-	221.188.250	113.649.177	20.889.091	355.726.518
Thanh lý nhượng bán	-	1.558.688.274	-	-	1.558.688.274
Tại ngày 31/12/2010	17.327.829.997	5.236.916.691	11.433.038.920	224.894.844	34.222.680.452
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2010	4.001.663.960	3.777.420.121	3.987.201.649	199.820.962	11.966.106.692
Khấu hao trong năm	821.291.749	538.801.755	1.106.012.965	4.433.470	2.470.539.939
Thanh lý nhượng bán	-	868.454.998	-	-	868.454.998
Tại ngày 31/12/2010	4.822.955.709	3.447.766.878	5.093.214.614	204.254.432	13.568.191.633
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2010	13.326.166.037	2.796.996.594	7.332.188.094	4.184.791	23.459.535.516
Tại ngày 31/12/2010	12.504.874.288	1.789.149.813	6.339.824.306	20.640.412	20.654.488.819

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 4.506.825.226 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MÃU SỐ B09 - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Nhà cán tôn bãi 8A	74.545.097	74.545.097
Đường triển sửa chữa tàu	360.546.656	1.536.175.095
Xây dựng cơ bản Công ty xếp dỡ Hải An	265.461.476	265.461.476
Nhà bảo vệ Công ty xếp dỡ Hải An	20.321.364	-
Cầu tàu 6500 T	202.727.273	-
	923.601.866	1.876.181.668

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư tài chính dài hạn khác

	Tỷ lệ góp vốn (%)			31/12/2010	01/01/2010
	Theo Giấy phép	Thực tế	Số lượng	Giá trị	Giá trị
Đầu tư dài hạn khác					
<i>Công ty Cổ phần Đóng tàu Hải An</i>	15,44	12,47	990.100	9.901.000.000	9.901.000.000
<i>Công ty Cổ phần Hải Minh</i>	-	1,00	100.000	2.500.000.000	2.500.000.000
<i>Công ty TNHH Vận tải và Xếp dỡ Hải An</i>	6,70	-	-	9.750.000.000	-
<i>Công ty CP Hàng hải Nam Dương</i>		18,77	180.000	1.800.000.000	-
			1.270.100	23.951.000.000	12.401.000.000

10. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ việc loại trừ lãi chưa thực hiện của các giao dịch nội bộ	724.272	1.005.098
	724.272	1.005.098

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng Công thương Ngô Quyền	2.621.850.646	4.308.002.988
Ngân hàng TMCP Quốc tế VIB	3.724.512.626	11.144.674.480
Ngân hàng TM CP Hàng hải Việt Nam - CN HCM	2.943.824.042	661.893.379
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	-	936.219.966
Công ty TNHH Thương Mại Tùng Đạt	-	541.000.000
Cán bộ công nhân viên	162.000.000	2.639.520.000
Nợ dài hạn đến hạn trả		
Ngân hàng TM CP Hàng hải TPHCM	150.000.000	300.000.000
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hải Phòng	-	132.000.000
	<u>9.602.187.314</u>	<u>20.663.310.813</u>

Trong kỳ, Công ty thực hiện vay ngắn hạn một số Ngân hàng để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Cụ thể như sau:

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ngô Quyền theo Hợp đồng tín dụng số 01/HĐTD/2010 ngày 29/04/2010, mục đích để thanh toán chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo đăng ký kinh doanh. Hạn mức cho vay là 5 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng xe cần cẩu nhãn hiệu PUYUAN, biên số 16L-4408, giá trị định giá: 4.300.300.300 VND, toàn bộ nhà văn phòng xưởng, nhà kho, bãi triển, xe triển và các công trình phụ trợ khác được xây dựng trên diện tích 13.650,1 m² đất tại thuê tại 173 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, TP Hải Phòng, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AO891288, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00750 do Sở Tài nguyên và Môi trường Hải Phòng cấp ngày 27/11/2009 và 03 hóa đơn GTGT thanh toán chi phí xây dựng thi công bãi triển tàu. Giá trị định giá: 5.650.000.000 VND.
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB) theo Hợp đồng tín dụng số 241/HĐTD2-VIB30/10 ngày 12/04/2010, hạn mức cho vay là 11 tỷ đồng, thời hạn của từng khế ước nhận nợ nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản, chi tiết về tài sản được quy định cụ thể trong các hợp đồng bảo đảm tiền vay.
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải - Chi nhánh TPHCM theo Hợp đồng tín dụng số 1576/TDNT/MSB-HN ngày 24/07/2009. Hạn mức cho vay là 2 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất ở và quyền sử dụng nhà ở tại số 97/48 khu phố 2, Phường Tăng Nhơn Phú B, Quận 9, TP. HCM.

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2010</u>	<u>01/01/2010</u>
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	213.176.084	478.676.446
Thuế thu nhập doanh nghiệp	121.289.884	902.562.922
Thuế thu nhập cá nhân	5.682.093	10.546.704
Các loại thuế khác	153.107.800	233.071.800
	<u>493.255.861</u>	<u>1.624.857.872</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Error! Not a valid link.

14. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

Error! Not a valid link.Khoản phải trả Công ty CP Đóng mới và sửa chữa tàu Hải An là khoản trả hộ cho Công ty, không chịu lãi suất, với số tiền phải trả tại ngày 31/12/2010 là 7.357.419.168 VND (năm 2009: 7.457.419.168 VND).

Khoản phải trả Công ty CP Hàng hải Nam Dương là khoản Công ty nhận ủy thác góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải xếp dỡ Hải An.

15. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Error! Not a valid link.

Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh TPHCM theo Hợp đồng tín dụng số 099-2006/TDTH-MSBHCM ngày 19/09/2006 để thanh toán một phần tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại số 97/48 khu phố 2, phường Tăng Nhơn Phú B, quận 9 thành phố Hồ Chí Minh. Số tiền vay là 1,5 tỷ đồng thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất vay là 1,1%/tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị tài sản trên đất.

Khoản vay Ngân hàng Thương mại cổ phần Xăng dầu Petrolimex là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 46/HĐTD/PGBHP.09 ngày 08/10/2009 để mua xe ô tô Ford Everest. Thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng loại trả sau của Ngân hàng Thương mại cổ phần Xăng dầu Petrolimex tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4%/năm. Tài sản này được đảm bảo bằng giá trị quyền sở hữu 01 xe ô tô Ford Everest chi tiết theo Hợp đồng thế chấp Tài sản số 46/HĐTC/PGBHP.09 ngày 08/10/2009.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2009	32.000.000.000	8.400.000.000	3.623.163.040	1.018.014.110	827.985.000
Tăng trong năm trước	-	-	1.797.411.340	179.741.134	179.741.134
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	(261.000.000)
Tại ngày 31/12/2009	32.000.000.000	8.400.000.000	5.420.574.380	1.197.755.244	746.726.134
Tăng trong năm	22.998.110.000	-	-	146.404.485	170.404.485
Giảm trong năm	-	(20.000.000)	-	-	(868.468.364)
Tại ngày 31/12/2010	54.998.110.000	8.380.000.000	5.420.574.380	1.344.159.729	48.662.255

Trong năm, Công ty thực hiện phát hành thêm dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng căn cứ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010 và Quyết định chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Theo đó, kết quả chào bán như sau:

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 2.299.811 cổ phiếu trong đó:
+ 800.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
+ 1.100.000 cổ phiếu ra bên ngoài
+ 399.811 cổ phiếu trả cổ tức năm 2009 cho cổ đông hiện hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

CỔ PHIẾU

	31/12/2010	01/01/2010
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.499.811	3.200.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.499.811	3.200.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.499.811</i>	<i>3.200.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.499.811	3.200.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.499.811</i>	<i>3.200.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

LỢI NHUẬN CHƯA PHÂN PHỐI

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Lợi nhuận chưa phân phối tại 31/12 của Công ty mẹ	(502.990.785)	6.345.900.514
Lợi nhuận chưa phân phối tại 31/12 của Công ty con	(933.040.543)	(561.147.911)
Thay đổi lợi nhuận trong năm khi hợp nhất	554.761	291.868.019
- Tăng lợi nhuận trong năm từ Công ty liên kết	-	298.176.258
- Giảm chi phí khấu hao TSCĐ Công ty con	739.682	739.682
- Giảm lãi vay của Công ty mẹ thu lãi vay năm 2008 Công ty con	-	(6.863.000)
- Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	(184.921)	(184.921)
Thay đổi lợi nhuận các năm trước khi hợp nhất	249.788.980	426.334.145
- Tăng (giảm) giá trị đầu tư vào Công ty liên kết	-	360.540.396
- Phân bổ lỗ năm trước cho cổ đông thiểu số	252.516.560	68.228.825
- Giảm chi phí HĐTC năm trước của Công ty con	-	6.863.000
- Giảm LN Công ty mẹ bán TSCĐ cho Công ty con năm trước	(3.636.773)	(4.438.095)
- Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	1.109.524	1.242.667
- Chênh lệch tỷ giá góp vốn vào Công ty con năm trước	-	(6.050.000)
- Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	(200.331)	(52.648)
Lỗ trong năm của cổ đông thiểu số	167.351.684	184.287.735
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	(1.018.335.903)	6.687.242.502

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Hoạt động đóng mới và sửa chữa tàu biển	10.161.970.160	47.349.892.809
Hoạt động sửa chữa cơ khí, phương tiện bộ	16.893.837.070	11.230.155.522
Hoạt động thương mại	7.832.107.605	14.070.584.741
Hoạt động khai thác bãi Container	27.469.624.653	23.246.581.394
Hoạt động giao nhận vận tải	1.622.175.632	1.427.511.823
Hoạt động khác	2.411.641.615	23.737.859.484
	66.391.356.735	121.062.585.773
Các khoản giảm trừ	-	
Doanh thu thuần	66.391.356.735	121.062.585.773

Hoạt động kinh doanh năm 2010 của Công ty đang gặp nhiều khó khăn do chậm triển khai các đơn hàng đóng mới và sửa chữa tàu biển từ phía khách hàng (chậm làm thủ tục thanh quyết toán). Do hiệu quả từ các dự án sửa chữa và đóng mới tàu biển, Công ty đang chủ trương sẽ thu hẹp dần quy mô của hoạt động đóng mới và sửa chữa tàu biển, dẫn tới kết quả kinh doanh năm 2010 giảm đáng kể so với các năm trước.

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Hoạt động đóng mới và sửa chữa tàu biển	12.814.744.594	49.849.059.470
Hoạt động sửa chữa cơ khí, phương tiện bộ	13.535.861.877	9.449.016.073
Hoạt động thương mại	4.673.026.057	7.490.837.219
Hoạt động khai thác bãi Container	23.955.853.169	18.503.201.374
Hoạt động giao nhận vận tải	1.619.217.366	1.509.706.829
Hoạt động khác	3.239.094.556	21.325.273.843
	59.837.797.619	108.127.094.808

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.200.572.179	960.069.135
Cổ tức, lợi nhuận được chia	95.000.000	350.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	53.653	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.727.232	19.819.648
Lãi bán hàng trả chậm	54.086.700	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.000	9.994.210
	1.356.444.764	1.339.882.993

20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Error! Not a valid link.

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nhân viên	983.624.082	1.086.615.777
Chi phí vật liệu, bao bì	503.810.259	415.096.349
Chi phí khấu hao TSCĐ	137.479.373	181.332.934
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.580.998	701.679.397
Chi phí khác	352.713.564	494.017.462
	2.027.208.276	2.878.741.919

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.519.092.048	2.286.099.708
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	11.143.634
Chi phí khấu hao TSCĐ	156.659.889	107.267.342
Thuế, phí và lệ phí	76.234.189	63.104.822
Chi phí dịch vụ mua ngoài	698.197.358	928.139.735
Chi phí khác	1.251.962.550	1.135.907.941
	4.702.146.034	4.531.663.182

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	936.443.757	870.110.806
Tiền hoa hồng bán hàng	-	4.910.000
Thanh lý công cụ, dụng cụ, phế liệu	-	37.279.849
Thu nhập khác	388.404.754	541.492
	1.324.848.511	912.842.147

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	690.233.276	818.110.806
Chi phí đền bù thiên tai	-	1.000.000.000
Tiền phạt do chứng khoán	-	35.000.000
Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế	50.729.150	-
Phạt thuế, truy nộp thuế	124.539.693	437.532
Chi phí khác	521.205.452	594.566.003
	1.386.707.571	2.448.114.341

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HIỆN HÀNH

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Thuế TNDN phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	(890.096.745)	4.230.152.875
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế	-	(977.000.000)
Cộng : Các khoản chi phí không được khấu trừ	139.100.000	
Thu nhập chịu thuế	(750.996.745)	3.253.152.875
Thuế suất	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	813.288.219
Thuế TNDN hiện hành phải nộp	-	813.288.219

26. CHI PHÍ (THU NHẬP) THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí (Thu nhập) của các giao dịch nội bộ chưa thực hiện	184.921	184.921
	184.921	184.921

27. LỢI NHUẬN SAU THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lợi nhuận của Công ty mẹ	(518.758.874)	3.416.864.656
Lợi nhuận của Công ty con	(371.892.632)	(409.528.300)
Thay đổi lợi nhuận trong kỳ khi hợp nhất	554.761	291.868.019
- Tăng lợi nhuận trong năm từ Công ty liên kết	-	298.176.258
- Giảm chi phí khấu hao TSCĐ Công ty con	739.682	739.682
- Giảm lãi vay của Công ty mẹ thu Công ty con	-	(6.863.000)
- Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	(184.921)	(184.921)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(890.096.745)	3.299.204.375

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (1)	(890.096.745)	3.299.204.375
Các khoản điều chỉnh tăng - giảm lợi nhuận kế toán (2)	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông (3 = 1 + 2)	(890.096.745)	3.299.204.375
Cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ (4)	3.774.953	3.200.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (5=3/4)	(236)	1.031

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Chi phí nguyên nhiên vật liệu	27.902.575.435	37.774.003.561
Chi phí nhân công	14.137.586.613	19.552.636.800
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.471.341.261	2.840.872.367
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.441.535.553	50.217.569.938
Chi phí khác bằng tiền	6.582.664.513	4.329.194.178
	63.535.703.375	114.714.276.844

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

30. THÔNG TIN VỚI BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch chủ yếu với bên liên quan

	Năm 2010	Năm 2009
	VND	VND
Bán hàng hóa và dịch vụ		
Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa tàu Hải An		
Số đã bán trong kỳ	2.069.070.373	33.845.758.446
Số đã trả trong kỳ	4.700.942.638	
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa tàu Hải An		
Số đã mua trong kỳ	1.713.805.988	752.762.060
Số đã trả trong kỳ	123.512.637	
Cho vay		
Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa tàu Hải An		
Số cho vay trong kỳ	6.060.130.823	6.197.000.000
Số đã trả trong kỳ	3.020.000.000	1.152.000.000
Lãi vay		
Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa tàu Hải An		
Số phát sinh trong kỳ	899.927.000	
Số đã trả trong kỳ	-	

Số dư chủ yếu với bên liên quan

	31/12/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn		
Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa tàu Hải An	9.832.742.147	6.792.611.324
Các khoản phải thu		
Phải thu khách hàng		
Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa tàu Hải An	283.743.346	2.915.615.611
Phải thu khác		
Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa tàu Hải An	5.570.293.914	4.761.851.914
Các khoản phải trả		
Phải trả người bán		
Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa tàu Hải An	1.590.293.351	-
Phải trả khác		
Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa tàu Hải An	7.357.419.168	7.457.419.168
Góp vốn đầu tư		
Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa tàu Hải An	9.901.000.000	9.901.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009 và đã được phân loại cho phù hợp với báo cáo tài chính năm hiện hành.

Hải Phòng, ngày 15 tháng 03 năm 2011

Kế toán trưởng

Giám đốc

Trần Thanh Nhân

Nguyễn Văn Cường